

Họ và tên:..... Lớp 1A

ÔN TẬP TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT LỚP 1

ĐỀ SỐ 2

Bài 2: Ngựa con dũng cảm

Em hãy giúp bạn ngựa ghép từng ô bên trái với ô thích hợp ở bên phải.

Con trâu	hót líu lo.
Những hạt mưa	toả nắng ấm áp.
Con mèo vàng	thi nhau rơi xuống.
Chim sơn ca	đang gặm cỏ.
Mặt trời	chảy rì rào.
Những con ếch	bơi tung tăng.
Suối	gáy ò ó o.
Gà trống	bay thấp thì mưa.
Cá vàng	đang rình bắt chuột.
Chuồn chuồn	kêu ộp ộp.

Bài 2 :Hổ con thiên tài

Câu 1: b/ực/út/m:

Câu 2: ường/s/tr/ân:

Câu 3: nắng/Cọ/ô/xòe/che :.....

Câu 4: em/Râm/đi/mát/đường :.....

Câu 5: khó/Làm/anh/thật :.....

Câu 6: hoang/Ai/bỏ/oi/đùng/ruộng :.....

Câu 7: sĩ/Bồ/em/bác/là :.....

Câu 8: đi/Em/bước/theo/trăng :.....

Câu 9: chơi/muốn/cùng/Như/đi :.....

Câu 10: Hạnh/đẹp/vẽ/rất/tranh/:.....

Bài 3: Điền từ

Câu 1: Điền chữ cái phù hợp vào chỗ trống:

“Yêu bạnính thầy.”

Câu 2: Giải câu đố:

“Quả gì tên có vần “an”

Hình tròn, cùi trắng, hạt than đen sì.”

Trả lời: Quảăn.

Câu 3: Điền từ phù hợp vào chỗ trống trong khổ thơ:

Làm.....thật khó

Nhưng mà thật vui

Ai yêu em bé

Thì làm được thôi.”

(Làm anh – Phan Thị Thanh Nhàn)

Câu 4: Điền n hay l vào chỗ trống trong câu: “Uốngước nhớ nguồn.”

Câu 5: Giải câu đố:

“Cây gì nhiều khúc

Mọc thành bụi to

Cây già làm thang

Măng lên nhọn hoắt ?

Trả lời: Câye

Câu 6: Giải câu đố:

“Ruột dài từ mũi đến chân
Mũi mòn ruột cũng dần dần mòn theo.”

Đố là cái gì?

Trả lời: Cái bút.....ì

Câu 7: Điền chữ phù hợp vào chỗ trống để hoàn thiện các từ sau:

“.....ao đầu,ã gạo,a đình.”?

Trả lời: Chữ phù hợp là chữ.....

Câu 8: Điền vần phù hợp vào chỗ trống: “Lời h.....ý đẹp”

Câu 9: Điền chữ cái phù hợp vào chỗ trống: “Rừng vàng.....iền bạc.”

Câu 10: Điền chữ cái phù hợp vào chỗ trống:

“Mỗi sớm mai thứcậy

Lũy tre xanh rì rào.”

Bài 4: Trắc nghiệm

Em hãy khoanh tròn trước chữ cái có câu trả lời đúng:

Câu 1: Từ nào khác các từ còn lại?

A. chị em

B. ông bà

C. bố mẹ

D. sách vở

Câu 2: Chọn vần phù hợp điền vào chỗ trống trong khổ thơ:

“Rùa con đi chợ mùa x.....

Mới đến cổng chợ bước chân sang hè.”

(Rùa con đi chợ - Mai Văn Hai)

A. ân

B. un

C. âm

D. Uân

Câu 3: Từ nào viết sai chính tả?

A. chân tay

B. chân thành

C. chân trọng

D. chân trời

Câu 4: Những tiếng nào có chứa bản “ăng” trong khổ thơ”

“Nắng Ba Đình mùa thu

Thắm vàng trên lăng Bác

Vẫn trong vắt bầu trời

Ngày Tuyên ngôn Độc lập.”

(Lăng Bác – Nguyễn Phan Hách.)

A. nắng, vàng B. thắm, lẫm C. nắng, lẫm D. vàng, lẫm

Câu 5: Ngược với “đục” là gì?

A. trong B. Sáng C. bản D. cũ

Câu 6: Chọn từ phù hợp đứng trước cụm từ “treo áo lên móc” để hoàn thành câu có nghĩa?

A. quả na B. Bé C. ngôi nhà D. xe đạp

Câu 7: Chọn từ phù hợp điền vào chỗ trống: Trò chơi dân gian “bịt mắt bắt”

A. gà B. Cáo C. Dê D. sói

Câu 8: Từ nào không chứa tiếng có vần “uôm”?

A. cánh bướm B. chuồn chuồn C. ao chuôm D. lượm thuộm

Câu 9: Chọn vần phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu:

“Những trưa đồng đầy nắng

Trâu nằm nh..... bóng râm.”

(Lũy tre – Nguyễn Công Dương)

A. ay B. ai C. ăn D. ia

Câu 10: Từ nào chứa tiếng có vần “ach”?

A. mới toanh B. sạch sẽ
C. màu xanh D. nhanh nhẹ

Câu 11: Từ nào dưới đây có nghĩa khác biệt so với các từ còn lại?

A. quả táo B. quả tạ
C. quả lê D. quả nho

Câu 12: Từ nào dưới đây viết đúng chính tả?

A. cái rừu

B. hoa lịu

C. mưu trí

D. cấp kúu

Câu 13: Từ nào trong khổ thơ dưới đây viết sai chính tả?

Quả gì có tóc

Không mọc trên cây

Bạn bè vui xay

Thi nhau cùng đá?

A. xay

B. Gì

C. trên

D. nhau

Câu 14: Giải câu đố sau:

Không mắt, không tai, không mũi,...

Hễ đâu có mặt, ai ai cũng nhìn!

Chẳng nói mà ai cũng tin

Sáng, chiều, sớm, muộn cứ nhìn biết ngay

Là cái gì?

A. cái cửa

B. đèn pin

C. cái kính

D. đồng hồ

Câu 15: Giải câu đố sau:

Cây gì không quả không hoa

Không cành không lá xong pha chiến trường

A. cây vôi vôi

B. cây súng

C. cây chuối

D. cây ổi

Câu 16: Văn nào không xuất hiện trong câu ca dao sau?

Bà còng đi chợ trời mưa

Cái tôm cái tép đi đưa bà còng

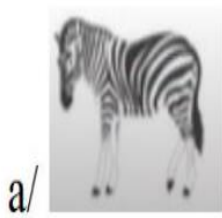
A. oang

B. ong

C. ôm

D. ư

Câu 17: Tên con vật nào dưới đây có vần “ư”?



Câu 18: Đây là gì?



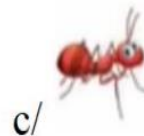
A. tàu ngầm

B. tàu hỏa

C. thuyền buồm

D. tàu thủy

Câu 19: Con vật nào dưới đây có vần “iên”?



Câu 20: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong đoạn thơ sau:

“Nu na nu nống

Đáng trông phát cờ

Mở cuộc thi đua

Thiđẹp đẽ”

A. tay

B. người

C. mặt

D. Chân

Câu 21: Chọn từ thích hợp điền vào câu thành ngữ sau:

“Tình sâu nặng”

- A. quý B. yêu C. nghĩa D. mến

Câu 22: Câu nào không có từ chứa vần “oăn”?

- A. Bé Mai có mái tóc xoăn tự nhiên rất đáng yêu.
B. Mẹ băn khoăn lựa chọn quà Giáng sinh cho bé.
C. Chú ngỗng có chiếc cổ dài ngoẵng đang đi tìm mồi.
D. Trên cánh đồng, các bác nông dân đang thoăn thoắt gặt lúa.

Câu 23: Các từ sau có chung vần gì?

“nảy nở, chạy nhảy, máy bay”.

- A. ay B. ai C. an D. am

Câu 24: Từ nào viết sai chính tả?

- A. sáo trúc B. bác sĩ C. xấp xếp D. lớp xe

Câu 25: Tên con vật nào có vần “et”?

A.



B.



C.



D.



Câu 26: Tên đồ vật nào có vần “ao”?

A.



B.



C.



D.



Câu 27: Vần nào không xuất hiện trong câu sau?

“Mẹ rất thích bức tranh bé vẽ cả gia đình đi chơi chợ Tết.”

- A. ach B. anh C. inh D. ich

Câu 28: Vần nào xuất hiện trong câu?

“Ông đang ngồi đọc báo ở phòng khách.”

- A. anh, oi B. eng, ôc C. ong, ach D. au, êch

Câu 29: Từ nào viết đúng chính tả?

- A. khéo léo B. gạo nếp C. nàng xóm D. nạc đà

Câu 30: Tên các đồ vật sau có chung vần gì?



- A. eng B. ênh C. anh D. inh